

Số **2526** /QĐ-ĐHHD

Thanh Hoá, ngày **13** tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh sách Sinh viên hệ LT,VLVH,VB2 đạt CĐR Tiếng Anh đối với
Sinh viên thi ngày 09-10/9/2023 tại Trường Đại học Hồng Đức năm học 2023-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị quyết số 04/QĐ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-ĐHHD ngày 05/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành quy định thi đánh giá năng lực ngoại ngữ định hướng theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 3275/QĐ-ĐHHD ngày 31/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam với sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học chuyên ngữ và không chuyên ngữ; học viên tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc kỳ thi đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kết quả chuẩn đầu ra Tiếng Anh ngày 09,10 tháng 9 năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng ĐBCL&KT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 342 Sinh viên hệ LT,VLVH,VB2 đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hồng Đức, đợt thi ngày 09-10/9/2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kết quả đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trên được sử dụng để xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

Điều 3. Trưởng các đơn vị có liên quan và các Sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT. *th*



Hoàng Nam

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2023

DANH SÁCH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

(theo Quyết định số 2526/QĐ-ĐHHD ngày 13/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Đợt thi ngày 09,10 tháng 9 năm 2023

STT	Mã SV	Họ và tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	228C68T074	Lương Thị Hằng	CD	KCN	7	7	2,5	9	6,5	
2	227901T311	Lưu Thị Thúy	An	ĐH	KCN	7	3,5	1,5	6,5	4,5
3	227401C300	Vũ Thị Thuý	An	ĐH	KCN	8	4	4,5	5,5	5,5
4	217302D600	Ngô Xuân	Anh	ĐH	KCN	6,5	8	6,5	6	7
5	217302C600	Lê Đức	Anh	ĐH	KCN	7	8	6,5	4,5	6,5
6	227203C300	Nguyễn Đức	Anh	ĐH	KCN	6	6	2,5	4,5	5
7	227203C503	Lê Công	Anh	ĐH	KCN	6,5	7	2	4,5	5
8	227203C500	Nguyễn Hoàng	Anh	ĐH	KCN	3	7	1,5	4,5	4
9	218901C600	Lê Thị	Anh	ĐH	KCN	6,5	6	1,5	6	5
10	218901T600	Hoàng Văn	Anh	ĐH	KCN	6,5	7	4,5	6	6
11	218901D800	Vũ Thị Kim	Anh	ĐH	KCN	7,5	5	2	5	5
12	228801D500	Nguyễn Thị Lan	Anh	ĐH	KCN	5,5	5	3	6	5
13	228801D502	Phạm Thị	Anh	ĐH	KCN	7	4,5	2,5	5	5
14	228801D501	Vũ Thị Phương	Anh	ĐH	KCN	5	6,5	4	5,5	5,5
15	227901C300	Vũ Thị Mai	Anh	ĐH	KCN	8	7,5	4,5	7	7
16	228901D500	Nguyễn Thị	Anh	ĐH	KCN	7	2	2	6,5	4,5
17	228901T500	Trịnh Thị Vân	Anh	ĐH	KCN	7	5	3,5	6	5,5
18	227401D300	Phan Thị	Anh	ĐH	KCN	8	6	3,5	5,5	6
19	228401T500	Vũ Ngọc	Anh	ĐH	KCN	8	6,5	3	6	6
20	227900C300	Lương Thị Vân	Anh	ĐH	KCN	7,5	4	2	6,5	5
21	227900D300	Nguyễn Hải	Anh	ĐH	KCN	7	4,5	3,5	6,5	5,5
22	218900D803	Đào Linh	Anh	ĐH	KCN	7,5	4	2,5	5	5
23	218901T800	Khúc Thị	Ánh	ĐH	KCN	7,5	8,5	6,5	8	7,5
24	228901C535	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	ĐH	KCN	8	2,5	2,5	6	5
25	227401D308	Phạm Thị Ngọc	Ánh	ĐH	KCN	8	4	2	6,5	5
26	227107C300	Hoàng Đình	Bảo	ĐH	KCN	6	6	2,5	5	5
27	227900D302	Nguyễn Hồng	Bến	ĐH	KCN	8	3,5	2	5,5	5
28	227900C301	Hà Thị	Bích	ĐH	KCN	7,5	2	1,5	5	4
29	227401T303	Lê Huy	Biên	ĐH	KCN	8	3,5	3,5	6,5	5,5
30	218103C600	Hoàng Văn	Bình	ĐH	KCN	6,5	7,5	1,5	3,5	5
31	228901C500	Hà Thị	Buổi	ĐH	KCN	7	4	3	6,5	5
32	218901D600	Phạm Thị	Cánh	ĐH	KCN	7,5	6,5	2	6	5,5
33	228401T508	Chu Thị	Cầm	ĐH	KCN	8	4,5	4	6	5,5
34	207801D705	Mai Văn	Cường	ĐH	KCN	5	7	2	5	5
35	227900D303	Nguyễn Thị	Chải	ĐH	KCN	7,5	2,5	2	6	4,5
36	227900C302	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	ĐH	KCN	8	4,5	5	6,5	6
37	227203D300	Nguyễn Văn	Chinh	ĐH	KCN	6,5	7	2	4,5	5
38	227203C302	Hồ Hữu	Chính	ĐH	KCN	6	8	3,5	4,5	5,5
39	227107D300	Lê Quốc	Chung	ĐH	KCN	6	6	2	4,5	4,5
40	218401C800	Lê Trần	Chung	ĐH	KCN	7,5	2,5	1,5	5	4
41	228401C517	Lê Thị	Chuyên	ĐH	KCN	7	4,5	3	6	5

STT	Mã SV	Họ và tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
42	227900C303	Nguyễn Thị Chuyên	ĐH	KCN	7,5	3,5	3,5	5	5	
43	227107C501	Nguyễn Hữu Chương	ĐH	KCN	7	6,5	3	5	5,5	
44	228901C501	Cao Thị Doanh	ĐH	KCN	8	5	5	6	6	
45	227401C301	Trịnh Thị Dung	ĐH	KCN	7	4,5	5	5	5,5	
46	228401T502	Đặng Thị Dung	ĐH	KCN	8	6	2,5	6	5,5	
47	227900C304	Lê Ngân Dung	ĐH	KCN	8,5	7	6	4,5	6,5	
48	197900C662	Nguyễn Thị Dung	ĐH	KCN	8	2,5	3,5	6,5	5	
49	227203C303	Lê Hữu Dũng	ĐH	KCN	6,5	9	4,5	6	6,5	
50	227401C325	Lê Anh Dũng	ĐH	KCN	6,5	3	0,5	8,5	4,5	
51	218402D800	Lê Anh Dũng	ĐH	KCN	7	4,5	3	5	5	
52	227900D305	Bùi Văn Dũng	ĐH	KCN	7	3	2,5	6	4,5	
53	227900D306	Nguyễn Thị Dũng	ĐH	KCN	7	5,5	3	6	5,5	
54	227900D307	Hà An Duy	ĐH	KCN	6,5	5	3,5	6	5,5	
55	228801C500	Nguyễn Thị Duyên	ĐH	KCN	5,5	5,5	1,5	5,5	4,5	
56	227900C305	Đỗ Thị Duyên	ĐH	KCN	8	4	1,5	5,5	5	
57	217302T601	Nguyễn Văn Dương	ĐH	KCN	7	5	4	5,5	5,5	
58	227900D310	Lương Thị Đào	ĐH	KCN	7	3	2,5	5,5	4,5	
59	227203D301	Phạm Quốc Đạt	ĐH	KCN	5,5	7	4,5	7	6	
60	227107C301	Lê Thành Đạt	ĐH	KCN	6	6,5	2,5	5	5	
61	227203C305	Mai Văn Đề	ĐH	KCN	5,5	7,5	3,5	5	5,5	
62	227900D311	Lê Thị Diệp	ĐH	KCN	7	5	2,5	6	5	
63	217305D601	Lê Việt Đông	ĐH	KCN	6,5	7	7,5	3,5	6	
64	227900C306	Lê Mạnh Đức	ĐH	KCN	7	1,5	3,5	5,5	4,5	
65	218901T604	Lê Thị Gái	ĐH	KCN	7	7	2,5	5	5,5	
66	218901C601	Lê Thị Giang	ĐH	KCN	7,5	6	3	6	5,5	
67	228801D505	Nguyễn Thị Giang	ĐH	KCN	7	4,5	2	6	5	
68	227401D301	Đồng Thị Hương	ĐH	KCN	8	6,5	3,5	5	6	
69	227401D309	Lê Hương Giang	ĐH	KCN	7,5	5	5	6	6	
70	209402V001	Phan Văn Giang	ĐH	KCN	6,5	5	3,5	6	5,5	
71	227900D386	Nguyễn Trường Giang	ĐH	KCN	6,5	5	3	6,5	5,5	
72	227900D313	Lương Thị Giang	ĐH	KCN	7,5	6,5	3	7	6	
73	228602C001	Nguyễn Văn Giao	ĐH	KCN	6,5	8	4,5	4	6	
74	228801D506	Lê Thị Hà	ĐH	KCN	6,5	2,5	4,5	5,5	5	
75	227901T300	Hoàng Thu Hà	ĐH	KCN	8	4	5	7	6	
76	228901C505	Lê Thị Hà	ĐH	KCN	8	3,5	3	5,5	5	
77	228901C506	Vũ Thị Thu Hà	ĐH	KCN	8	5	2,5	7	5,5	
78	228901C538	Trần Thị Thu Hà	ĐH	KCN	6,5	3	3,5	5,5	4,5	
79	227401C326	Lê Thị Thu Hà	ĐH	KCN	7,5	5,5	4	6	6	
80	227401C303	Trần Thị Hà	ĐH	KCN	6,5	3,5	3,5	5,5	5	
81	218401D812	Nguyễn Thị Hà	ĐH	KCN	8	5,5	5	5,5	6	
82	227900D314	Lê Thị Hà	ĐH	KCN	7,5	1,5	3	5,5	4,5	
83	227900D315	Phạm Thị Hà	ĐH	KCN	6,5	3	2,5	6,5	4,5	
84	218901T802	Trịnh Thị Hạ	ĐH	KCN	7,5	7	1,5	6	5,5	
85	187103C502	Nguyễn Văn Hải	ĐH	KCN	8	3,5	7	4,5	6	
86	217308T602	Đào Văn Hải	ĐH	KCN	7	7,5	6,5	4,5	6,5	
87	227203C306	Trịnh Xuân Hải	ĐH	KCN	6	7	2	5	5	
88	228401C505	Lê Hữu Hải	ĐH	KCN	8	3,5	3,5	6	5,5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Bậc học	Đổi tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
89	228401C504	Nguyễn Thị Hải	ĐH	KCN	8	3	6	6,5	6	
90	228901C532	Lê Thị Hạnh	ĐH	KCN	7	3,5	3	6	5	
91	227900D317	Trần Thị Hạnh	ĐH	KCN	8	3	2,5	5,5	5	
92	227900D316	Nguyễn Thị Hạnh	ĐH	KCN	7	3	2,5	5,5	4,5	
93	228602C002	Bùi Thị Hào	ĐH	KCN	6,5	7,5	7	3,5	6	
94	228901C526	Lê Thị Hào	ĐH	KCN	7,5	5	3,5	6	5,5	
95	228801D509	Nguyễn Thị Hằng	ĐH	KCN	8	3,5	1,5	5,5	4,5	
96	228901C507	Nguyễn Thị Thu Hằng	ĐH	KCN	7	6	3	6	5,5	
97	228901C508	Nguyễn Thị Hằng	ĐH	KCN	8	3	3,5	6	5	
98	227900C307	Đỗ Thị Hằng	ĐH	KCN	7,5	5	6,5	4	6	
99	227900C308	Ngô Thị Hằng	ĐH	KCN	8	3,5	4	6,5	5,5	
100	227901D300	Hà Thị Hậu	ĐH	KCN	8	3,5	3	6	5	
101	228401C506	Trần Thị Hiền	ĐH	KCN	7,5	5,5	4,5	6	6	
102	227900D318	Vũ Thị Hiền	ĐH	KCN	7,5	3,5	2,5	5,5	5	
103	227900D320	Lê Thị Hiền	ĐH	KCN	7,5	2	2	6	4,5	
104	227900D319	Trịnh Thị Hiền	ĐH	KCN	7	1	2,5	7	4,5	
105	228901C509	Phạm Thị Hiệp	ĐH	KCN	7	3,5	3	6	5	
106	227203C307	Nguyễn Trung Hiếu	ĐH	KCN	6	6	3	4,5	5	
107	227900C309	Nguyễn Thị Hiếu	ĐH	KCN	7	3	2,5	6	4,5	
108	228401D514	Nguyễn Vũ Hiệu	ĐH	KCN	8	6,5	3	6,5	6	
109	228801D511	Nguyễn Phương Hoa	ĐH	KCN	5	2,5	2,5	5	4	
110	228901C534	Lê Thị Hoa	ĐH	KCN	7,5	3,5	2	7	5	
111	227401C305	Đoàn lê Hoa	ĐH	KCN	6,5	5,5	3,5	4,5	5	
112	227900D323	Bùi Thị Hòa	ĐH	KCN	7	2,5	3	6	4,5	
113	227401C306	Nguyễn Ngọc Hoàn	ĐH	KCN	2,5	5	3	6	4	
114	227901C303	Bùi Thị Hồng	ĐH	KCN	7	3,5	4,5	6	5,5	
115	228901C530	Lê Thị Hồng	ĐH	KCN	8	2	2,5	6	4,5	
116	227900D324	Hà Thị Hồng	ĐH	KCN	7,5	6,5	3,5	7,5	6,5	
117	227900D387	Đỗ Thị Hồng	ĐH	KCN	7,5	3,5	2,5	5,5	5	
118	218401C801	Lê Tuyển Huân	ĐH	KCN	6,5	2,5	2,5	7	4,5	
119	227900D326	Nguyễn Thị Huệ	ĐH	KCN	7	3,5	5	6	5,5	
120	227203C308	Lê Văn Hùng	ĐH	KCN	5,5	7,5	3,5	5	5,5	
121	227107D500	Nguyễn Xuân Hùng	ĐH	KCN	6	6	3	5	5	
122	228801D512	Trịnh Văn Hùng	ĐH	KCN	6,5	6	2,5	5	5	
123	228901C536	Lê Thị Hùng	ĐH	KCN	6,5	6	5	3,5	5,5	
124	227107D501	Lê Đức Huy	ĐH	KCN	6	7	4,5	6	6	
125	217801D512	Nguyễn Hữu Huy	ĐH	KCN	5	5,5	2	4	4	
126	228801D514	Nguyễn Khắc Huy	ĐH	KCN	6,5	5	5	6	5,5	
127	228801D515	Lê Thanh Huyền	ĐH	KCN	6,5	5,5	3,5	5,5	5,5	
128	218901C806	Lê Khánh Huyền	ĐH	KCN	7	6	3	6	5,5	
129	227900C311	Ngân Thị Thu Huyền	ĐH	KCN	7,5	2,5	3	5,5	4,5	
130	227900D327	Trần Thị Huyền	ĐH	KCN	7	3	3,5	5	4,5	
131	217305C600	Nguyễn Thị Hương	ĐH	KCN	7,5	7	7	4	6,5	
132	227901C304	Nguyễn Thị Hương	ĐH	KCN	7	7,5	3,5	7	6,5	
133	228401C507	Nguyễn Thị Hương	ĐH	KCN	7,5	5	5,5	6,5	6	
134	227900D329	Lê Thị Hương	ĐH	KCN	7	2	4	6,5	5	
135	228401C508	Vũ Thị Hường	ĐH	KCN	7,5	5	1,5	7	5,5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
136	227900D330	Nguyễn Thị	Hường	ĐH	KCN	7	3	3,5	6,5	5	
137	217308T603	Trần Khả	Kiên	ĐH	KCN	7	7	7,5	4,5	6,5	
138	227203C505	Nguyễn Đình	Khánh	ĐH	KCN	6	6	3	4,5	5	
139	228901C513	Lê Thị Vinh	Khánh	ĐH	KCN	8	8	7	5,5	7	
140	227203D303	Phạm Hữu	Khoa	ĐH	KCN	6	6,5	5,5	5,5	6	
141	218901T608	Hoàng Thị Ngọc	Lan	ĐH	KCN	7,5	8	4,5	7,5	7	
142	218901T805	Trần Thị	Lan	ĐH	KCN	6,5	7,5	3	5,5	5,5	
143	217801D513	Trần Thị	Lan	ĐH	KCN	5	4,5	2,5	6	4,5	
144	227900D331	Nguyễn Thị	Lan	ĐH	KCN	7	3,5	4,5	5,5	5	
145	228801D517	Nguyễn Tùng	Lâm	ĐH	KCN	6,5	5,5	4,5	5	5,5	
146	227900C314	Ngô Thị	Lê	ĐH	KCN	7,5	4	2	6	5	
147	228901C514	Lê Thị	Lệ	ĐH	KCN	7	2,5	1,5	7,5	4,5	
148	228901C515	Lê Thị	Liên	ĐH	KCN	8	3,5	3	7	5,5	
149	228401D506	Đinh Trà	Liên	ĐH	KCN	8	7,5	5	7	7	
150	228401C509	Nguyễn Trần Hoàn	Liên	ĐH	KCN	8	5,5	6,5	7,5	7	
151	227900D333	Phạm Thị	Liên	ĐH	KCN	8,5	5	5	7,5	6,5	
152	227900D334	Cao Thị	Liên	ĐH	KCN	8	6	6,5	6	6,5	
153	218901C801	Nguyễn Thị Diệu	Linh	ĐH	KCN	7,5	7,5	2,5	6,5	6	
154	228901C518	Khuong Thị Mai	Linh	ĐH	KCN	7	4,5	3	6,5	5,5	
155	227401T300	Đỗ Võ Khánh	Linh	ĐH	KCN	6,5	5	3	6	5	
156	218401D607	Nguyễn Thị Khánh	Linh	ĐH	KCN	8	3	3,5	6	5	
157	218401C610	Lê Thị Hà	Linh	ĐH	KCN	8	4	3,5	6,5	5,5	
158	227900C316	Lê Thị Hiền	Linh	ĐH	KCN	7,5	6	5	4,5	6	
159	227900D335	Bùi Thị Thùy	Linh	ĐH	KCN	8	5,5	5	7	6,5	
160	227900D336	Lê Thị Mai	Linh	ĐH	KCN	7	4,5	4	5	5	
161	227900D388	Đỗ Thị	Linh	ĐH	KCN	8	2	2,5	5	4,5	
162	227901T304	Đỗ Thị	Loan	ĐH	KCN	8	3,5	2,5	6	5	
163	218401D806	Mạch Thị	Loan	ĐH	KCN	8	5	5,5	7	6,5	
164	217302C601	Phạm Thanh	Long	ĐH	KCN	6,5	4,5	2,5	3,5	4,5	
165	217305T602	Hồ Văn	Long	ĐH	KCN	6,5	8	7	3,5	6,5	
166	217302C602	Nguyễn Bá	Lực	ĐH	KCN	6,5	8,5	7	6	7	
167	217305C601	Bùi Văn	Lực	ĐH	KCN	7,5	7,5	6	4	6,5	
168	227107D503	Trần Văn	Lượng	ĐH	KCN	5,5	6	3,5	6	5,5	
169	228801D518	Lê Phương	Ly	ĐH	KCN	7	3,5	3	5	4,5	
170	228901C519	Nguyễn Thị Khánh	Ly	ĐH	KCN	7	2	3,5	6,5	5	
171	217308T604	Phạm Văn	Lý	ĐH	KCN	6,5	7	7	4	6	
172	227401C309	Nguyễn Thị	Lý	ĐH	KCN	6,5	3	2,5	6	4,5	
173	227203C507	Trần Thị	Mai	ĐH	KCN	6,5	7	2,5	4,5	5	
174	228801D519	Đinh Thị Ngọc	Mai	ĐH	KCN	7	3,5	3,5	5	5	
175	228901C520	Lê Thị	Mai	ĐH	KCN	8	3	1,5	6	4,5	
176	227401T301	Nguyễn Thị	Mai	ĐH	KCN	6,5	2	1,5	6,5	4	
177	227900D339	Phạm Thị	Mai	ĐH	KCN	7	2,5	2,5	6	4,5	
178	227900D338	Trần Thị	Mai	ĐH	KCN	7,5	4,5	4,5	6,5	6	
179	227900D340	Trần Thị Tuyết	Mai	ĐH	KCN	8,5	7,5	3	8	7	
180	217308T605	Đỗ Trung	Mạnh	ĐH	KCN	6	8	7	5	6,5	
181	217305C602	Lê Huy Đăng	Mạnh	ĐH	KCN	8	8,5	5,5	4	6,5	
182	228901C521	Lê Thị Trà	Mi	ĐH	KCN	8	3,5	3	5,5	5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
183	227203C311	Nguyễn Xuân	Minh	ĐH	KCN	6	7,5	4,5	4,5	5,5	
184	227901C306	Nguyễn Thị	Minh	ĐH	KCN	8	3,5	3,5	6	5,5	
185	228401C510	Nguyễn Việt	Minh	ĐH	KCN	7	4,5	1,5	6,5	5	
186	227900D341	Lê Thị	Minh	ĐH	KCN	6,5	2,5	3	5,5	4,5	
187	218901T609	Vi Thị	Mơ	ĐH	KCN	7,5	7	3	6	6	
188	227900T300	Lê Thị	Mơ	ĐH	KCN	7,5	2	2	5,5	4,5	
189	227901C307	Phạm Thị	Na	ĐH	KCN	7	3	2,5	6	4,5	
190	227107D504	Trần Hoài	Nam	ĐH	KCN	7,5	6,5	2	6,5	5,5	
191	227107D505	Hoàng Thế	Năm	ĐH	KCN	7,5	7	2,5	6	6	
192	227900D342	Nguyễn Thị	Nê	ĐH	KCN	7,5	5,5	3,5	6	5,5	
193	228401C519	Phạm Thị	Nương	ĐH	KCN	8	4	3	7	5,5	
194	228602C003	Nguyễn Thị	Nga	ĐH	KCN	5,5	6,5	5,5	3,5	5,5	
195	217901T519	Ngô Thị	Nga	ĐH	KCN	7	7,5	2,5	6,5	6	
196	218901D802	Chu Thị	Nga	ĐH	KCN	6,5	7,5	2,5	7	6	
197	227901C309	Nguyễn Thị	Nga	ĐH	KCN	7	5,5	2,5	5,5	5	
198	227900C318	Nguyễn Phương	Nga	ĐH	KCN	8	7,5	7	5	7	
199	227900T301	Phạm Quỳnh	Nga	ĐH	KCN	7,5	2,5	4,5	5,5	5	
200	227900D394	Lê Thị	Nga	ĐH	KCN	8,5	4,5	2,5	5	5	
201	227900D343	Vũ Thị	Nga	ĐH	KCN	7,5	5	6,5	8	7	
202	227900D393	Phạm Thị Quỳnh	Nga	ĐH	KCN	7,5	7	5,5	6	6,5	
203	228401C513	Hồ Thị	Ngà	ĐH	KCN	8	5	3	7	6	
204	227900D345	Hà Thị	Ngân	ĐH	KCN	8	5	3	5,5	5,5	
205	227901T306	Lê Thảo	Ngoan	ĐH	KCN	7	5	2	6,5	5	
206	228901T504	Hoàng Thị	Ngọc	ĐH	KCN	7,5	6	2,5	7	6	
207	218401C803	Vũ Thị	Ngọc	ĐH	KCN	8	4	3	5	5	
208	227900D346	Bách Thị	Ngọc	ĐH	KCN	6,5	4	1,5	5,5	4,5	
209	227900D348	Trịnh Thị	Ngọc	ĐH	KCN	6,5	6	3	6	5,5	
210	227900D347	Nguyễn Thị	Ngọc	ĐH	KCN	8	5	3,5	7	6	
211	217901D503	Nguyễn Thị	Nguyệt	ĐH	KCN	7	5	5,5	6	6	
212	227900D349	Ngô Thị	Nguyệt	ĐH	KCN	7	4	2,5	5,5	5	
213	218901C802	Lê Thị	Nhàn	ĐH	KCN	6,5	6,5	2,5	5,5	5,5	
214	227900D350	Trương Thị	Nhàn	ĐH	KCN	8	4	0,5	6,5	5	
215	227203C501	Lê Thị	Nhung	ĐH	KCN	7	6,5	3	4,5	5,5	
216	228901C541	Đỗ Hồng	Nhung	ĐH	KCN	6,5	3,5	2,5	3	4	
217	227900C319	Kiều Thị Hồng	Nhung	ĐH	KCN	7,5	4,5	4,5	5,5	5,5	
218	227401C312	Cao Thị Yên	Như	ĐH	KCN	6,5	3,5	3	5,5	4,5	
219	228401T503	Nguyễn Thị	Oanh	ĐH	KCN	7	7	3	5	5,5	
220	227203T310	Hoàng Thanh	Phong	ĐH	KCN	6	7	4,5	4,5	5,5	
221	217801T505	Lê Thị Kim	Phụng	ĐH	KCN	5,5	2,5	4,5	5,5	4,5	
222	227203D304	Hoàng Thị Bích	Phương	ĐH	KCN	6,5	8	3,5	6	6	
223	228901C537	Đào Thị	Phương	ĐH	KCN	8	4,5	4,5	5,5	5,5	
224	227401C313	Nguyễn Thu	Phương	ĐH	KCN	6,5	3	2,5	5	4,5	
225	218401C805	Ngô Thị Lan	Phương	ĐH	KCN	8	5,5	1	5	5	
226	228401D509	Lê Thị	Phương	ĐH	KCN	7,5	7,5	5	5	6,5	
227	227900D355	Nguyễn Thị	Phương	ĐH	KCN	6,5	3,5	2,5	6,5	5	
228	227900D357	Viên Thị	Phương	ĐH	KCN	8	4	2	5	5	
229	227107D307	Nguyễn Văn	Phượng	ĐH	KCN	6	6,5	2,5	6	5,5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
230	218901C803	Đỗ Thị	Phượng	ĐH	KCN	6,5	6	2	5,5	5	
231	228401T504	Nguyễn Thị	Phượng	ĐH	KCN	8	4	3	4	5	
232	207801T503	Cao Văn	Quang	ĐH	KCN	6	4	5	5,5	5	
233	228401C514	Quách Quang	Quý	ĐH	KCN	7	4,5	5	6,5	6	
234	227900T302	Hoàng Ngọc	Quý	ĐH	KCN	7	6,5	2,5	6	5,5	
235	227900D358	Lê Văn Hồng	Quý	ĐH	KCN	7,5	7	3,5	6	6	
236	227901C311	Bùi Thị	Quyên	ĐH	KCN	7	2,5	2	7	4,5	
237	228901C522	Phạm Thị	Quyên	ĐH	KCN	7	3	2	7,5	5	
238	227900D359	Lê Thị	Quyên	ĐH	KCN	8	6,5	3,5	6	6	
239	228801D537	Nguyễn Đức	Quyên	ĐH	KCN	5	3,5	2,5	5	4	
240	228801D522	Nguyễn Ngọc	Quyên	ĐH	KCN	6,5	2	2,5	5,5	4	
241	218901C804	Vũ Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	6	3	3	5	4,5	
242	227401D306	Nguyễn Hữu	Quỳnh	ĐH	KCN	4,5	3,5	3	4	4	
243	227401C314	Nguyễn Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	7,5	2,5	3	4,5	4,5	
244	227900D361	Tổng Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	8	4,5	3,5	7	6	
245	227900D360	Phạm Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	7,5	4	4,5	6,5	5,5	
246	227900D362	Đặng Thị	Sen	ĐH	KCN	8	4,5	2,5	4,5	5	
247	228602C004	Lê Trường	Son	ĐH	KCN	6	4,5	8,5	4	6	
248	217801C601	Vũ Ngọc	Son	ĐH	KCN	4	5,5	2,5	5	4,5	
249	227900D363	Nguyễn Anh	Son	ĐH	KCN	7,5	3,5	3	5,5	5	
250	227901D301	Nguyễn Thị	Tặng	ĐH	KCN	8	4,5	3,5	6,5	5,5	
251	228801D524	Nguyễn Quang	Tân	ĐH	KCN	5	7	7,5	6	6,5	
252	227203C312	Nguyễn Ngọc	Tiến	ĐH	KCN	6,5	8	3,5	5	6	
253	227107D508	Ngô Xuân	Tiến	ĐH	KCN	7,5	7,5	3,5	5	6	
254	228901D502	Vũ Thị	Tinh	ĐH	KCN	8	3,5	3	4,5	5	
255	227107C503	Hoàng Tiến	Tới	ĐH	KCN	6,5	6,5	3,5	5	5,5	
256	227203D306	Bùi Xuân	Tuân	ĐH	KCN	6	8	2,5	5	5,5	
257	227801D343	Nguyễn Anh	Tuân	ĐH	KCN	4,5	5,5	3	6,5	5	
258	227203T501	Hoàng Thanh	Tuấn	ĐH	KCN	5,5	9,5	4,5	7	6,5	
259	218107D805	Nguyễn Ngọc	Tuấn	ĐH	KCN	6	7	6	5,5	6	
260	227107D309	Hà Hữu	Tuấn	ĐH	KCN	6	6,5	3,5	5,5	5,5	
261	217308C603	Quách Văn	Tùng	ĐH	KCN	7,5	8	7,5	5	7	
262	217308T608	Phạm Văn	Tùng	ĐH	KCN	7	5	2,5	5,5	5	
263	228801C502	Đậu Thanh	Tùng	ĐH	KCN	5	3	2	5,5	4	
264	228801D525	Phạm Mạnh	Tùng	ĐH	KCN	4,5	3	3,5	5,5	4	
265	228602C006	Cao Tôn	Tuyền	ĐH	KCN	5	7	2,5	5	5	
266	227901C312	Hà Thị	Tuyết	ĐH	KCN	8	3	3,5	5,5	5	
267	228401T506	Phạm Thị	Tuyết	ĐH	KCN	7,5	8,5	3,5	4,5	6	
268	227900C321	Lê Thị	Tuyết	ĐH	KCN	7,5	4	4	5,5	5,5	
269	227900D365	Phan Thị Ánh	Tuyết	ĐH	KCN	7,5	6	2	5,5	5,5	
270	227900D366	Vũ Thị Lệ	Tuyết	ĐH	KCN	8	5	5	4,5	5,5	
271	217302D603	Hà Duy	Thái	ĐH	KCN	6	8	3,5	4,5	5,5	
272	227901T307	Hà Thị	Thanh	ĐH	KCN	8	4	4,5	5,5	5,5	
273	228901C523	Lê Thị	Thanh	ĐH	KCN	8	3,5	4	6	5,5	
274	227900D368	Nguyễn Thị	Thanh	ĐH	KCN	7,5	3	2,5	6,5	5	
275	227900D369	Bùi Bình	Thanh	ĐH	KCN	8,5	2,5	5	6	5,5	
276	217302D604	Đỗ Văn	Thành	ĐH	KCN	6	7	5	4	5,5	

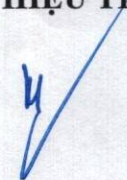
STT	Mã SV	Họ và tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
277	227203C502	Lê Phú Thành	ĐH	KCN	3	6	3	4,5	4	
278	218901T612	Doãn Thu Thảo	ĐH	KCN	7,5	8,5	2,5	6,5	6,5	
279	228801D536	Phạm Thị Thảo	ĐH	KCN	6,5	4	4,5	6	5,5	
280	227900C322	Lương Thị Thảo	ĐH	KCN	7	6	2,5	6	5,5	
281	227900D370	Bùi Thị Thảo	ĐH	KCN	8	1	1,5	5,5	4	
282	227107D507	Nguyễn Thế Thắng	ĐH	KCN	7,5	6,5	4	6	6	
283	218107D617	Trịnh Văn Thế	ĐH	KCN	6	6	4,5	5	5,5	
284	217308T610	Phạm Văn Thiên	ĐH	KCN	6	6	7	4	6	
285	227900T303	Nguyễn Kim Thoa	ĐH	KCN	7,5	6,5	3,5	6,5	6	
286	218901T613	Trịnh Thị Thu	ĐH	KCN	7,5	7	2,5	6	6	
287	227901C313	Nguyễn Thị Thu	ĐH	KCN	8	2	3,5	7	5	
288	227401C318	Trịnh Thị Thu	ĐH	KCN	7	3,5	2,5	4,5	4,5	
289	227401D307	Vũ Thị Thu	ĐH	KCN	6,5	2,5	2,5	4	4	
290	228801D527	Lê Văn Thuân	ĐH	KCN	4,5	4,5	4,5	5,5	5	
291	217305D604	Lê Thị Thuý	ĐH	KCN	6,5	7	8	4,5	6,5	
292	228901C540	Dương Thị Thùy	ĐH	KCN	8	6,5	5,5	6	6,5	
293	227401C320	Nguyễn Thị Thùy	ĐH	KCN	6,5	5,5	4	6	5,5	
294	228602C005	Lê Thị Thủy	ĐH	KCN	5,5	7	7	3	5,5	
295	218901T809	Đoàn Thị Thủy	ĐH	KCN	7	6,5	2	5	5	
296	218901C805	Cầm Thị Thủy	ĐH	KCN	6,5	1,5	2,5	5	4	
297	228401C515	Nguyễn Thị Thủy	ĐH	KCN	8	4,5	1,5	4	4,5	
298	218901T810	Mai Thị Thúy	ĐH	KCN	6,5	5,5	3,5	5,5	5,5	
299	227401C321	Lê Thị Thúy	ĐH	KCN	6,5	2,5	3,5	4,5	4,5	
300	218107D807	Lê Văn Thương	ĐH	KCN	6	7,5	2,5	4,5	5	
301	228901C543	Trương Thị Thương	ĐH	KCN	6	3	5,5	6	5	
302	227900D374	Hàn Thị Thương	ĐH	KCN	7,5	5,5	2,5	6	5,5	
303	227900D375	Cao Thị Thương	ĐH	KCN	7,5	4	1	5	4,5	
304	227900D376	Nguyễn Thị Thương	ĐH	KCN	8	2,5	1,5	6,5	4,5	
305	227900D390	Lê Thị Thương	ĐH	KCN	7,5	4	3,5	6,5	5,5	
306	227901T309	Trương Thị Bảo Trâm	ĐH	KCN	8	6	3,5	6,5	6	
307	217305T605	Lâm Thị Trang	ĐH	KCN	6,5	8,5	7	4	6,5	
308	218901C610	Mai Thị Trang	ĐH	KCN	7	5,5	2,5	5,5	5	
309	228801D529	Đỗ Thị Huyền Trang	ĐH	KCN	6,5	2	3,5	5,5	4,5	
310	227901C315	Vi Thị Trang	ĐH	KCN	7	3,5	3,5	6	5	
311	228901C527	Lê Thị Trang	ĐH	KCN	8	6	2,5	5,5	5,5	
312	228901C528	Nguyễn Thùy Trang	ĐH	KCN	8	4	1,5	5,5	5	
313	227401C322	Lê Thị Hương Trang	ĐH	KCN	6,5	2	3,5	5,5	4,5	
314	218401C806	Cao Thị Huyền Trang	ĐH	KCN	8	4	3	5,5	5	
315	218401D809	Lê Thị Quỳnh Trang	ĐH	KCN	8	3,5	3	5	5	
316	228401T507	Bùi Thị Hiền Trang	ĐH	KCN	8,5	6,5	2,5	4	5,5	
317	228401D510	Đỗ Thùy Trang	ĐH	KCN	8,5	6,5	3	6	6	
318	227900D377	Nguyễn Thị Huyền Trang	ĐH	KCN	8	5	2,5	7	5,5	
319	227900D378	Ngô Thị Trang	ĐH	KCN	7,5	4	4,5	5,5	5,5	
320	227900D379	Nguyễn Thùy Trang	ĐH	KCN	7,5	4	4	6,5	5,5	
321	227900D391	Lê Thị Huyền Trang	ĐH	KCN	7,5	3,5	3	5,5	5	
322	227900D380	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	ĐH	KCN	7,5	5	1,5	5	5	
323	228901C531	Lê Kiều Trinh	ĐH	KCN	8	4,5	2	5,5	5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
324	207103C711	Nguyễn Hoàng Trung	ĐH	KCN	7	4	7,5	3	5,5	
325	227107C504	Lê Bảo Trung	ĐH	KCN	6	7,5	2,5	6,5	5,5	
326	228901C529	Bùi Thị Tố Uyên	ĐH	KCN	8	2,5	4,5	5,5	5	
327	218801D820	Phạm Thị Thanh Vân	ĐH	KCN	7	8	5	6	6,5	
328	228401C516	Hồ Tiểu Vân	ĐH	KCN	7,5	3	4,5	4,5	5	
329	227900D381	Phan Thị Vân	ĐH	KCN	7	4	2	5,5	4,5	
330	227900D383	Nguyễn Thị Vân	ĐH	KCN	7	4	3	6	5	
331	227900T304	Chu Khánh Vân	ĐH	KCN	8	4	4,5	8	6	
332	227900D382	Cao Thị Vân	ĐH	KCN	8	3,5	2,5	6	5	
333	227203D307	Nguyễn Đình Vũ	ĐH	KCN	5,5	6	2,5	4,5	4,5	
334	218402C804	Lê Văn Vũ	ĐH	KCN	6,5	3	4,5	5	5	
335	227900C323	Lương Thị Xuân	ĐH	KCN	7,5	7	7,5	4,5	6,5	
336	217801D532	Nguyễn Đăng Xung	ĐH	KCN	6,5	2	2,5	6	4,5	
337	227901T310	Lê Thị Cẩm Xuyên	ĐH	KCN	8	4	3	5	5	
338	227401C324	Nghiêm Thị Xuyên	ĐH	KCN	6,5	1,5	2	6,5	4	
339	227900C324	Đỗ Thị Xuyên	ĐH	KCN	7	4,5	4,5	5,5	5,5	
340	227900D385	Phạm Thị Ngọc Yến	ĐH	KCN	6,5	8	4,5	7,5	6,5	
341	227900D384	Đặng Hải Yến	ĐH	KCN	8	3,5	4	5,5	5,5	
342	227900D392	Hoàng Thị Yến	ĐH	KCN	8	4	1	5,5	4,5	

Ghi chú: CĐ: cao đẳng; ĐH: đại học; KCN: đối tượng không chuyên ngữ.

Ấn định danh sách này có 342 sinh viên./

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


Hoàng Nam